

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



HÀ THANH VIỆT

**THU HÚT VÀ SỬ DỤNG
VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
TRÊN ĐỊA BÀN DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG**

**Chuyên ngành : Tài chính - Lưu thông tiền tệ và tín dụng
Mã số : 5.02.09**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI — 2006

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS.TS. NGUYỄN HỮU TÀI**
- 2. PGS. MAI SIÊU**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án được bảo vệ tại hội đồng chấm Luận án cấp cơ sở
Họp tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội
Vào hồi.....giờ....ngày.....tháng.....năm**

Có thể tìm luận án tại:

- Thư viện Quốc gia**
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

1. **Hà Thanh Việt** (2002), *Khai thác các nguồn tài trợ để phát triển du lịch trên địa bàn Tỉnh Bình Định*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
2. **Hà Thanh Việt** (2003), “Khai thác nguồn tài trợ phát triển du lịch Bình Định”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, (71). Hà Nội, tháng 5.
3. **Hà Thanh Việt** (2005), “Thực trạng và giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Duyên hải miền Trung”, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, (92). Hà Nội, tháng 2.
4. **Hà Thanh Việt** (2005), “Quan điểm và một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài”, *Tạp chí Thanh tra Tài chính*, (34). Hà Nội, tháng 4.
5. **Hà Thanh Việt** (2006), “Thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Duyên hải miền Trung”, *Tạp chí Phát triển kinh tế*, (188). Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 6.
6. **Hà Thanh Việt** (2006), “Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư nhằm tăng cường thu hút vốn Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào vùng Duyên hải miền Trung”, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, (108). Hà Nội, tháng 6.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đối với vùng Duyên hải miền Trung Việt Nam (DHMT), vốn FDI có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của vùng, đặc biệt trong việc tạo ra nguồn lực bổ sung về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, góp phần tạo việc làm, cải thiện thu nhập, nâng cao trình độ phát triển của vùng so với đất nước,.. Mặc dù Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp, ban hành nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích các nhà ĐTNN đầu tư vào vùng DHMT, nhưng vốn FDI vào vùng này là rất ít so với cả nước và so với tiềm năng phát triển kinh tế của vùng. Đây là vấn đề thu hút sự quan tâm của các nhà lãnh đạo, nhà quản lý và các nhà nghiên cứu. Trong bối cảnh đó, tôi chọn vấn đề **“Thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn Duyên hải Miền Trung”** làm đề tài luận án, nhằm góp phần đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, góp phần tìm ra những giải pháp thu hút và sử dụng vốn cho quá trình xây dựng và phát triển kinh tế vùng DHMT.

Nhìn chung, vấn đề thu hút và sử dụng vốn FDI đã trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà khoa học, như những nghiên cứu: FDI với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam giai đoạn 1988 - 2005; Các giải pháp tài chính nhằm tăng cường thu hút và quản lý FDI tại Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010; Vai trò của FDI đối với sự phát triển kinh tế bền vững của các nước Đông Á và bài học đối với Việt Nam; Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động FDI tại TP.Hồ Chí Minh; Một số giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp của các nước trong nhóm G7 vào Việt Nam; Ảnh hưởng của quá trình tự do hoá thương mại trong khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) đến hoạt động thu hút đầu tư tiếp nước ngoài tại Việt Nam; Giải pháp tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở Việt Nam; Chiến lược đổi mới chính sách huy động các nguồn vốn nước ngoài phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010; Xây dựng một lộ trình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 2003 - 2010; Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, vị trí vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;.. Ngoài ra, trên các tạp chí kinh tế chuyên ngành có rất nhiều bài viết, công trình đề cập đến những vấn đề liên quan đến FDI. Tuy nhiên, trong những nghiên cứu trên, vấn đề sử dụng vốn FDI thường chỉ được đề cập đến như một nhân tố ảnh hưởng đến thu hút hoặc một giải pháp để tăng cường thu hút FDI. *Vấn biết rằng thu hút và sử dụng là hai mặt của một hoạt động thống nhất, nhưng nghiên cứu một cách tương đối độc lập hai mặt này trong một đề tài sẽ cho chúng ta thấy rõ hơn những công việc phải làm để đạt được mục đích cuối cùng là làm cho vốn FDI trở thành nguồn vốn đóng vai trò thật sự quan trọng trong quá trình phát triển của nền kinh tế tiếp nhận nó.* Hơn nữa, các đề tài khoa học từ trước đến nay chủ yếu chỉ tập trung nghiên cứu vốn FDI đối với Việt Nam, chưa có đề tài nào nghiên cứu vốn FDI đối với một vùng kinh tế, cụ thể là vùng DHMT - một vùng kinh tế đầy tiềm năng và có một vị trí chiến lược trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

2. Mục tiêu nghiên cứu của Luận án

- Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại một vùng kinh tế của một quốc gia.

- Đánh giá thực trạng thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT thời gian qua và phân tích những nguyên nhân hạn chế thu hút và sử dụng vốn FDI tại vùng DHMT.

- Đề xuất hệ thống giải pháp nhằm tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT

- Thời gian: từ năm 1988 đến 2005.

Trong phạm vi Luận án này, tác giả đứng trên quan điểm quản lý Nhà nước để đánh giá về khả năng thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI đối với một vùng kinh tế của đất nước.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Tác giả sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Sử dụng các phương pháp điều tra, phân tích, tổng hợp, thống kê; Sử dụng phương pháp diễn dịch, quy nạp,..

- Tác giả quán triệt và vận dụng các nguyên tắc sau: nguyên tắc khách quan, nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc thống nhất giữa lịch sử và logic, nguyên tắc đi từ trừu tượng đến cụ thể;..

5. Những đóng góp khoa học và điểm mới của Luận án

✓ *Những đóng góp khoa học của Luận án:*

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về thu hút và sử dụng vốn FDI đối với vùng kinh tế của một quốc gia;

- Mô tả, phân tích, đánh giá thực trạng thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT từ năm 1988 đến 2005; phân tích những nguyên nhân thành công và hạn chế trong hoạt động thu hút và sử dụng vốn FDI;

- Đề xuất những giải pháp nhằm tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT trong những năm tới.

✓ *Điểm mới của Luận án:*

Thứ nhất, Khi luận giải về nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI tại vùng kinh tế của một quốc gia, Luận án đã chia ra một cách tương đối ba nhóm nhân tố: nhóm nhân tố ảnh hưởng chung đến cả thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI, nhóm nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút vốn FDI, nhóm nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn FDI.

Thứ hai, Tác giả có những đánh giá toàn diện thực trạng thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn vùng DHMT, bên cạnh những thành công nhất định, tác giả đã khẳng định những hạn chế trong thu hút và sử dụng vốn FDI tại vùng DHMT. Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên được phân tích một cách toàn diện và sâu sắc.

Thứ ba, khẳng định rõ quan điểm, định hướng thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT. Theo đó luận án đã đưa ra ba nhóm giải pháp để tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT: nhóm giải pháp chung (8 giải pháp); nhóm giải pháp tăng cường thu hút vốn FDI (3 giải pháp) và nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI (5 giải pháp). Ngoài ra, để những giải pháp này có hiệu quả cao, Luận án đã đưa ra các giải pháp hỗ trợ (6 giải pháp). Nhiều giải pháp đặc thù áp dụng đối với vùng DHMT; Các giải pháp được luận giải một cách sâu sắc, có căn cứ lý luận và xuất phát từ thực tiễn nên có tính khả thi.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, Luận án được trình bày theo kết cấu sau:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại vùng kinh tế.

Chương 2: Thực trạng thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên địa bàn Duyên hải miền Trung.

Chương 3: Những giải pháp cơ bản nhằm tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Duyên hải miền Trung.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THU HÚT VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) TẠI VÙNG KINH TẾ

1.1. Tổng quan về vốn FDI

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của vốn FDI

Trên thế giới có nhiều cách diễn giải khái niệm về FDI tùy theo góc độ tiếp cận của các nhà kinh tế khác nhau. Song vẫn chưa có khái niệm nào được coi là hoàn chỉnh và được đa số chấp nhận. Một khái niệm về vốn FDI được sử dụng rộng rãi hơn cả là khái niệm do Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) đưa ra năm 1977. Theo IMF: *“Đầu tư trực tiếp nước ngoài là vốn đầu tư được thực hiện ở các doanh nghiệp hoạt động ở đất nước khác nhằm thu về những lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư. Mục đích của nhà đầu tư là giành được tiếng nói có hiệu quả trong việc quản lý doanh nghiệp đó”*

Điều 2, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996 quy định *“Đầu tư trực tiếp nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền hoặc bất cứ tài sản nào để tiến hành các hoạt động đầu tư”*.

Tổng hợp những phân tích trên đây, chúng ta có thể hiểu một cách khái quát về FDI như sau: FDI là hình thức đầu tư mà nhà đầu tư ở một nước đóng góp một số vốn bằng tiền hoặc tài sản đủ lớn theo quy định vào nền kinh tế của một nước khác để sở hữu hoặc điều hành, kiểm soát đối tượng họ bỏ vốn đầu tư nhằm mục đích thu lợi nhuận và các lợi ích kinh tế khác.

Về bản chất, vốn FDI là sự gặp nhau về nhu cầu của một bên là NĐT và một bên là nước nhận đầu tư:

▪ *Đối với nhà đầu tư (NĐT):* Thực chất cơ bản bên trong của NĐT trong hoạt động FDI tựu chung lại có thể chia ra bốn loại nhóm bản chất như sau: 1) Duy trì và nâng cao hiệu quả sản xuất của chủ đầu tư (vấn đề vốn, kỹ thuật, sản phẩm,..); 2) Khai thác các nguồn lực và xâm nhập thị trường của nước nhận đầu tư; 3) Tranh thủ lợi dụng chính sách khuyến khích của nước nhận đầu tư; 4) Thông qua hoạt động đầu tư trực tiếp để thực hiện các ý đồ kinh tế (hoặc phi kinh tế) mà các hoạt động khác không thực hiện được.

▪ *Đối với nước nhận đầu tư:* Nói chung, đối với nước tiếp nhận đầu tư, cho dù ở trình độ phát triển cao hay thấp, số vốn FDI là do sự khéo léo trong “mời chào”, hay do NĐT tự tìm đến mà có, thì vốn FDI cũng thường có sự đóng góp nhất định đối với sự phát triển của họ. Với những mức độ khác nhau, vốn FDI có thể đóng vai trò là nguồn vốn bổ sung, là điều kiện cần thiết (thậm chí quyết định) cho sự chuyển biến theo chiều hướng tích cực của một lĩnh vực sản xuất kinh doanh, hay một số ngành nghề, hoặc là những yếu tố xúc tác làm cho các tiềm năng nội tại của nước nhận đầu tư phát huy một cách mạnh mẽ và có hiệu quả hơn.

Vốn FDI có một số đặc điểm cơ bản sau:

- Vốn FDI là loại vốn đầu tư chủ yếu có thời hạn dài, vốn của NĐT từ quốc gia này đưa sang quốc gia khác nhằm mục tiêu lợi nhuận. Vì vốn FDI thường dài hạn nên không dễ rút đi trong một thời gian ngắn. Bởi vậy, nước sở tại nhận được một nguồn vốn lớn bổ sung cho vốn đầu tư trong nước trong một thời gian tương đối dài mà không phải lo trả nợ. Đây là đặc điểm phân biệt giữa FDI với đầu tư gián tiếp (portfolio investment).
- Chủ đầu tư có quốc tịch nước ngoài. Đặc điểm này có liên quan đến các khía cạnh về xuất nhập cảnh, luật pháp, ngôn ngữ, phong tục tập quán,.. Đây là các yếu tố làm tăng thêm tính rủi ro và chi phí đầu tư của các chủ đầu tư.
- Chủ sở hữu vốn trực tiếp tham gia quản lý, điều hành quá trình sản xuất kinh doanh. Mục đích quan trọng của các NĐTNN là việc giành quyền kiểm soát hoạt động sử dụng phần vốn đầu tư mà họ bỏ ra tại nước tiếp nhận, đặc biệt trong việc quyết định một số vấn đề quan trọng trong tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp. Đây cũng là một trong những đặc điểm để phân biệt giữa đầu tư trực tiếp với đầu tư gián tiếp.
- Vốn FDI không chỉ bao gồm vốn đầu tư ban đầu của chủ ĐTNN dưới hình thức vốn pháp định (hoặc vốn điều lệ) mà nó còn bao gồm cả vốn vay của doanh nghiệp để triển khai và mở rộng dự án cũng như vốn đầu tư trích từ lợi nhuận thu được trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.
- Vốn FDI ít chịu sự chi phối của Chính phủ, đặc biệt, ít bị phụ thuộc vào mối quan hệ chính trị giữa nước chủ đầu tư và nước tiếp nhận đầu tư so với các hình thức di chuyển vốn quốc tế khác.

1.1.2. Tác động của vốn FDI đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế của một quốc gia

▪ Tác động tích cực

Thứ nhất, vốn FDI có khả năng giải quyết có hiệu quả những khó khăn về vốn cho phát triển kinh tế.

Thứ hai, vốn FDI kích thích chuyển giao và phát triển công nghệ ở vùng kinh tế - nơi nhận đầu tư.

Thứ ba, vốn FDI giải quyết một phần thất nghiệp và góp phần phát triển nguồn nhân lực cho vùng kinh tế - nơi nhận đầu tư.

Thứ tư, vốn FDI góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đưa nền kinh tế tham gia vào phân công lao động quốc tế một cách có lợi nhất.

Thứ năm, vốn FDI có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ vùng kinh tế - nơi nhận đầu tư.

▪ Tác động tiêu cực

Thứ nhất, trong hoạt động thu hút và sử dụng vốn FDI, nhiều trường hợp dẫn đến thua thiệt cho nước nhận đầu tư.

Thứ hai, vì mục tiêu đầu tư của mình, các NĐTNN thường đầu tư vào các ngành, các lĩnh vực nhiều khi không trùng khớp với mong muốn với nước sở tại, làm cho các mục tiêu thu hút và sử dụng vốn FDI của nước sở tại bị ảnh hưởng.

Thứ ba, chuyển giao công nghệ là mặt tích cực của FDI, song nó có thể có nhiều hạn chế và tiêu cực.

Thứ tư, sự lấn át của doanh nghiệp FDI có thể làm tăng sự phá sản của những cơ sở kinh tế trong nước và các ngành nghề truyền thống, làm tăng tâm lý sùng ngoại.

1.2. Thu hút vốn FDI vào vùng kinh tế của một quốc gia

1.2.1. Các hình thức thu hút vốn FDI

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Contractual bussiness Cooperation)
- Doanh nghiệp liên doanh (Joint venture enterprise)
- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (100% Foreign capital enterprise)
- Các phương thức đầu tư đặc biệt: BOT, BTO, BT

1.2.2. Cơ cấu thu hút vốn FDI

- *Thu hút vốn FDI theo ngành và lĩnh vực:* Xu hướng có tính quy luật chung của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá là tăng tỷ trọng và vai trò của ngành công nghiệp và dịch vụ và giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp. Một trong những nguyên nhân mà nhiều nước đã thành công trong công cuộc công nghiệp hoá là hoàn thiện cơ cấu đầu tư trực tiếp nước ngoài theo ngành kinh tế phù hợp với những mục tiêu công nghiệp hoá thông qua các chính sách thu hút hợp lý vốn FDI trong từng giai đoạn.

- *Thu hút vốn FDI theo vùng lãnh thổ (tỉnh, thành phố trong vùng):* Với động lực chủ yếu là lợi nhuận, các dự án FDI chủ yếu tập trung ở vùng kinh tế - xã hội phát triển, đặc biệt là những vùng có ưu thế vượt trội về cơ sở hạ tầng, về sự thuận lợi cho giao thông thuỷ, bộ, hàng không và năng động trong kinh doanh. Điều đó sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh hơn ở những vùng kinh tế phát triển sôi động, nhưng sẽ tạo khoảng cách ngày càng lớn với những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Do vậy, nước sở tại phải có cách chính sách phù hợp để tăng thêm sức hấp dẫn ở những vùng kinh tế - xã hội khó khăn trong việc thu hút vốn FDI, giảm thiểu sự cách biệt giữa các vùng.

- *Thu hút vốn FDI theo đối tác đầu tư:* Xác định đối tác chính để thu hút nhằm tranh thủ những thế mạnh của đối tác là vấn đề có ý nghĩa lớn khi thu hút vốn FDI. Các nước cần nghiên cứu kỹ và khoa học về các nhà đầu tư có triển vọng và phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước mình, từ đó tập trung nhân tài và vật lực để thu hút thì sẽ đạt được hiệu quả hơn là thu hút một cách dàn trải, chung chung. Nhất là hoạt động xúc tiến đầu tư, nếu xúc tiến đầu tư có trọng điểm vào những nhà đầu tư tiềm năng sẽ đạt kết quả cao và ít tốn kém.

1.3. Hiệu quả sử dụng vốn FDI tại một vùng kinh tế

1.3.1. Khái niệm hiệu quả sử dụng vốn FDI

Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung hay hiệu quả sử dụng vốn FDI nói riêng là sự so sánh giữa lợi ích thu được với số vốn đầu tư bỏ ra. Với cùng lượng vốn đầu tư, khoản vốn đầu tư nào đem lại lợi ích lớn hơn thì hiệu quả lớn hơn và ngược lại.

Theo phạm vi đánh giá, có thể chia thành:

- Hiệu quả cấp vi mô: là hiệu quả đầu tư của một dự án FDI hay một doanh nghiệp FDI hoạt động

- Hiệu quả cấp vĩ mô: là hiệu quả vốn FDI được xem xét trên phạm vi một ngành, một địa phương, một vùng hay trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Sự phân loại này chỉ mang tính chất tương đối, tùy vào phạm vi và góc độ của người đánh giá để phân loại cho phù hợp. Chẳng hạn như đánh giá hoạt động FDI trên địa bàn nào đó thì hiệu quả sử dụng vốn FDI của địa bàn đó chính là hiệu quả vĩ mô còn hiệu quả của từng dự án là hiệu quả vi mô.

1.3.2. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn FDI tại một vùng kinh tế

- Tỷ số giá trị xuất khẩu của khu vực FDI trên vốn FDI thực hiện
- Thu ngân sách của khu vực FDI trên vốn FDI thực hiện
- Số việc làm trực tiếp của khu vực FDI so với vốn FDI thực hiện
- Đóng góp của vốn FDI vào tăng trưởng kinh tế của vùng kinh tế tiếp nhận đầu tư.
- Đóng góp của vốn FDI vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng kinh tế tiếp nhận đầu tư theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Những đóng góp khác của vốn FDI vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế tiếp nhận đầu tư: Nâng cao khả năng công nghệ; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Nâng cao khả năng cạnh tranh nội bộ nền kinh tế và năng lực cạnh tranh của vùng kinh tế,...

1.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI tại một vùng kinh tế của một quốc gia.

Vì thu hút và sử dụng vốn FDI là hai mặt của một hoạt động thống nhất, cho nên hầu hết các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút thì đều ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn FDI ở một vùng kinh tế và ngược lại, và trong bản thân của việc thu hút và hiệu quả sử dụng cũng là tiền đề của nhau. Nhưng để tìm ra những hạn chế cụ thể trong hoạt động thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI tại một vùng kinh tế, từ đó tìm ra những biện pháp hữu hiệu đối với hoạt động thu hút và sử dụng vốn FDI tại một vùng kinh tế, trong luận án này tác giả đưa ra những nhân tố ảnh hưởng riêng đến từng mặt của hoạt động FDI (thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI) và những nhân tố ảnh hưởng chung đến cả thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI. Tuy nhiên cách phân chia này cũng chỉ mang tính chất tương đối.

1.4.1. Nhân tố ảnh hưởng chung đến thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI tại một vùng kinh tế của đất nước

- Sự ổn định của môi trường vĩ mô
- Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thu hút và sử dụng vốn FDI
- Hệ thống pháp luật và chính sách đầu tư nước ngoài của quốc gia và của các địa phương trong vùng kinh tế tiếp nhận đầu tư.
- Sự phát triển của hệ thống cơ sở hạ tầng
- Chất lượng của đội ngũ lao động
- Sự phát triển nền hành chính quốc gia
- Nguồn lực và lợi thế so sánh của vùng kinh tế tiếp nhận đầu tư.
- Năng lực và nhận thức của lãnh đạo các địa phương trong vùng về việc thu hút và sử dụng vốn FDI

1.4.2. Nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI vào một vùng kinh tế của một quốc gia

- Chiến lược huy động vốn để phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ
- Khuynh hướng chu chuyển dòng vốn FDI quốc tế
- Môi trường kinh tế thế giới
- Chiến lược đầu tư của các NĐTNN
- Mối quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia tiếp nhận đầu tư.
- Hoạt động xúc tiến đầu tư của Chính phủ và của các địa phương trong vùng tiếp nhận đầu tư.

1.4.3. Nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn FDI tại một vùng kinh tế của một quốc gia

- Các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí tại vùng kinh tế
- Các nhân tố thuộc về hoạt động quản lý Nhà nước ảnh hưởng đến kết quả sử dụng vốn FDI tại một vùng kinh tế của một quốc gia
- Các nhân tố thuộc về NĐTNN ảnh hưởng đến kết quả sử dụng vốn FDI tại một vùng kinh tế của một quốc gia: Tiềm lực tài chính của các NĐTNN; Năng lực kinh doanh của các NĐTNN

1.5. Một số kinh nghiệm thu hút và sử dụng vốn FDI

Nghiên cứu thu hút và sử dụng vốn FDI tại một vùng kinh tế của quốc gia thực chất là nghiên cứu hoạt động thu hút và sử dụng vốn FDI của một quốc gia có tính tới điều kiện của từng vùng kinh tế khác nhau trong nước. Vì vậy, muốn thu hút và sử dụng tốt vốn FDI tại một vùng kinh tế của quốc gia thì trước hết phải nghiên cứu việc thu hút và sử dụng vốn FDI trên phạm vi một quốc gia đó. Tuy nhiên, việc thu hút và sử dụng vốn FDI ở một vùng kinh tế thành công đến đâu, ngoài những nỗ lực của Chính phủ còn phải kể đến vai trò hết sức quan trọng của các chính quyền địa phương trong vùng đó. Vì vậy, trong luận án này, tác giả nghiên cứu một cách tổng thể cả kinh nghiệm thu hút và sử dụng vốn FDI ở một số quốc gia có điều kiện tương đồng với Việt Nam và cả kinh nghiệm của một số địa phương trong nước tương đối thành công trong hoạt động thu hút và sử dụng vốn FDI trong thời gian vừa qua. Từ đó, luận án đã rút ra những kinh nghiệm thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một vùng kinh tế của quốc gia như sau:

- 1, Phải giữ được sự ổn định trong môi trường đầu tư, tránh những biến động có thể gây ra những cú sốc tiêu cực trong nền kinh tế. Muốn vậy, cần cải tạo triệt để môi trường pháp lý, môi trường kinh tế, tài chính, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ đầu tư.
- 2, Hệ thống luật pháp về ĐTNN ngày càng được hoàn chỉnh theo hướng thông thoáng hơn và phù hợp với thông lệ quốc tế.
- 3, Tích cực cải tiến thủ tục hành chính từ Trung ương đến địa phương, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các NĐTNN tham gia đầu tư vào vùng kinh tế của một quốc gia.
- 4, Cần có chính sách định hướng thu hút và sử dụng vốn FDI hợp lý và lâu dài cho từng vùng trên cơ sở chính sách chung của quốc gia, có những biện pháp tích cực để thu hút và sử dụng FDI theo định hướng đó.
- 5, Về chiến lược phát triển và thu hút ĐTNN các nước đi từ thu hút vào những ngành nghề sử dụng nhiều lao động sang những ngành có giá trị kinh tế cao và lĩnh vực dịch vụ.
- 6, Có chính sách khuyến khích để thu hút ĐTNN để di chuyển từ ngành, vùng thuận lợi sang các ngành, vùng khó khăn hơn.

7, Phát triển hoàn thiện những khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trong vùng để tạo lực thu hút các NĐTNN.

8, Mỗi địa phương trong vùng tự đề ra chiến lược cạnh tranh thu hút đầu tư cho mình nhưng phải phù hợp với quy hoạch chung của toàn vùng, theo đúng quy định của Nhà nước và phù hợp với chính sách chung.

9, Không coi nhẹ vốn đầu tư trong vùng và trong nước, tạo điều kiện phát huy tối đa nguồn nội lực, chính nội lực mới là yếu tố quyết định.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG THU HÚT VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) TRÊN ĐỊA BÀN DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

2.1. Khái quát bối cảnh kinh tế, xã hội của vùng Duyên hải miền Trung

2.1.1. Những mặt lợi thế

* Về tài nguyên thiên nhiên và lao động:

Thứ nhất, vùng DHMT có thế mạnh về biển và tiềm năng phát triển kinh tế biển. Đủ điều kiện cho phép đưa việc nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, hải sản từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Thứ hai, DHMT có thế mạnh về tài nguyên du lịch và tiềm năng phát triển kinh tế du lịch. Đây là vùng đất có nhiều danh lam thắng cảnh của đất nước, có nhiều di sản thế giới được UNESCO công nhận.

Thứ ba, đất đai tuy không nhiều nhưng tương đối đa dạng và mới khai thác ở mức độ thấp. Nhìn chung với tiềm năng của đất đai, vùng DHMT có thể phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm thành ngành công nghiệp quan trọng.

Thứ tư, DHMT có thế mạnh về tài nguyên rừng và tiềm năng phát triển kinh tế gắn với các sản phẩm từ rừng. Tài nguyên rừng của toàn vùng chỉ đứng sau Tây Nguyên cả về diện tích đất rừng và trữ lượng gỗ lớn. Vùng DHMT có thể phát triển thành một trung tâm trồng rừng và phát triển công nghiệp đồ gỗ.

Thứ năm, tiềm năng phát triển công nghiệp vùng DHMT đang đầy ắp hứa hẹn vì một phần nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp trong vùng có thể cung cấp tại chỗ nhờ vào nguồn tài nguyên khoáng sản sẵn có.

Thứ sáu, lực lượng lao động của vùng DHMT dồi dào, đã được phổ cập về trình độ văn hóa.

* Về vị trí địa lý:

Thứ nhất, một thuận lợi của DHMT là có môi liên hệ chặt chẽ với Tây Nguyên. Tây Nguyên sẽ là nguồn cung cấp nguyên liệu và hàng xuất khẩu quan trọng cho toàn vùng DHMT. Đồng thời, chỉ có phát triển mạnh mẽ vùng DHMT mới có điều

kiện tạo thế và lực cho Tây Nguyên khai thác hữu hiệu các tiềm năng đa dạng và độc đáo của mình.

Thứ hai, vùng biển các tỉnh DHMT được coi như một hành lang thương mại quan trọng, một hệ thống cửa mở của các quốc gia phía Tây. Các nước trong khu vực, đặc biệt là Nhật Bản đang dành nhiều sự quan tâm đến sự phát triển khu vực Nam Lào - Đông Bắc Campuchia và Duyên hải Miền Trung Việt Nam gắn với việc mở thêm đường xuyên á, mở các lối ra biển gần nhất cho khu vực này. Các cảng biển của vùng DHMT đã được đưa vào danh sách lựa chọn làm cửa ngõ cho các lối ra này.

*** Chính phủ đã có những định hướng phát triển đối với vùng DHMT trong thời gian tới cũng là một thuận lợi của vùng này.**

Những định hướng chính là: (1) xây dựng và phát triển các chuỗi đô thị dọc bờ biển; (2) xây dựng các cụm và các điểm công nghiệp; (3) chú ý phát triển mở rộng các hoạt động dịch vụ, trước hết là dịch vụ cảng biển và du lịch; và cùng với những định hướng phát triển này là việc Chính Phủ tập trung ưu tiên phát triển vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung (gồm 5 tỉnh Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định) sẽ là thuận lợi lớn trong việc thu hút vốn FDI vào phát triển kinh tế vùng DHMT [86].

2.1.2. Những khó khăn

Thứ nhất, địa hình bị chia cắt mạnh. Núi cao chiếm một phần lớn diện tích tự nhiên toàn vùng. Dải đồng bằng khá nhỏ hẹp và bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi cao ăn ra đến sát biển, bởi các con sông hoặc những đồi cát trắng,..

Thứ hai, hạ tầng cơ sở còn thiếu và yếu, đặc biệt là hệ thống giao thông chất lượng còn thấp.

Thứ ba, nền kinh tế còn chưa phát triển, tích lũy ở mức thấp.

Thứ tư, lực lượng lao động ở vùng DHMT có chất lượng thấp.

2.2. Thực trạng thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT

2.2.1. Tổng quan về việc thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT

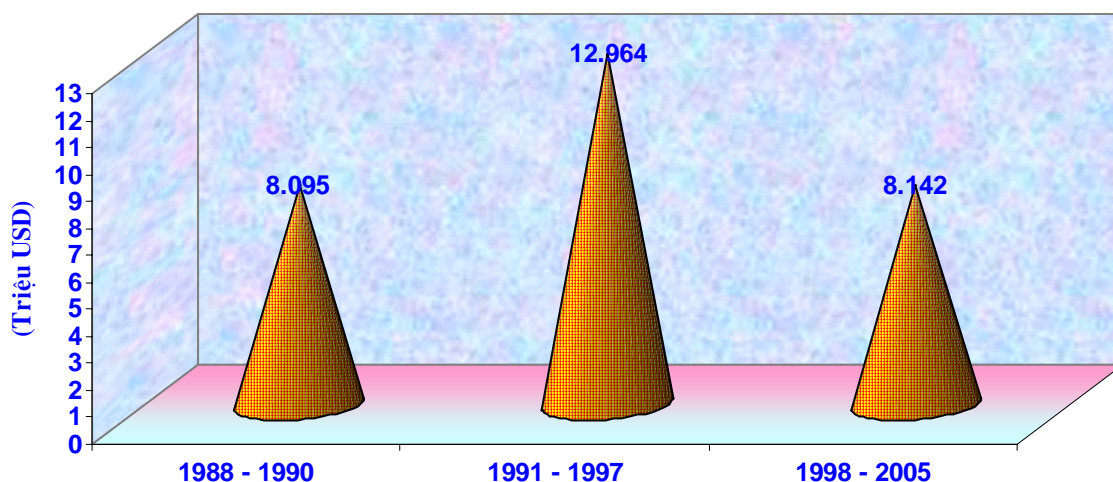
- Giai đoạn tìm hiểu thị trường (1988 - 1990)

Số dự án và số vốn FDI đăng ký vào DHMT rất ít, chưa có dự án FDI nào đi vào hoạt động. Hoạt động FDI gặp nhiều khó khăn do thiếu một khung khổ pháp lý, lúc đó mới chỉ có Luật Đầu tư nước ngoài nhưng các luật liên quan chưa có hoặc chưa phù hợp cho hoạt động FDI. Các nhà đầu tư vào DHMT với tính chất “chờ đợi và nghe ngóng”, chưa thực hiện đầu tư thực sự.

- Giai đoạn tăng trưởng theo chiều rộng (1991 - 1997)

Số lượng dự án FDI được cấp phép và vốn đầu tư đăng ký tăng liên tục từ năm 1991 và đạt tới đỉnh cao vào năm 1997, với 419,380499 triệu USD đã được cấp phép. Các dự án FDI giai đoạn này có quy mô đầu tư khá lớn, trung bình khoảng 13

triệu USD/dự án, cao gần gấp đôi quy mô đầu tư bình quân của giai đoạn trước (Xem Đồ thị 2.2).



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đồ thị 2.2: Quy mô bình quân một dự án các giai đoạn trên địa bàn DHMT

Thời kỳ 1991 - 1997, tỷ lệ vốn thực hiện tăng dần và năm 1997 đã chiếm hơn 47,5% vốn đăng ký.

- Giai đoạn khó khăn sau khủng hoảng kinh tế khu vực (1998 - 2003)

Năm 1997, do tác động của khủng hoảng tài chính khu vực (tháng 7/1997) vốn đăng ký vào Việt Nam đã giảm hẳn, chỉ bằng 54% vốn đăng ký năm 1996 và tiếp tục suy giảm 17% trong năm 1998. Tuy nhiên, ở DHMT vốn đăng ký tại tăng đột biến và đạt đỉnh cao vào năm 1998 với 1.383.043.365 USD. Điều này không phải do môi trường đầu tư ở DHMT hấp dẫn hơn mà là do các đối tác nước ngoài đã có quá trình chuẩn bị từ trước để đầu tư vào nhà máy lọc dầu Dung Quất - Quảng Ngãi. Điều này thể hiện rõ ràng qua sự giảm đột biến của vốn đăng ký ở năm 1999: VDK năm 1999 bằng 13,8% năm 1997, chỉ bằng 4,25% năm 1998.

Không giống như vốn đăng ký, vốn thực hiện có độ trễ nhất định (từ khi đăng ký đến khi thực hiện phải mất từ 3 đến 4 năm) nên chưa suy giảm ngay ở thời điểm xảy ra cuộc khủng hoảng: từ năm 1999 đến năm 2001 VTH đều vượt xa vốn đăng ký. Sau đó là giai đoạn suy giảm đều đặn của VTH, và giảm đột biến trong từ năm 2003 - 2005 (do VDK năm 1999 giảm đột biến).

Trong giai đoạn này, cũng như tình hình chung của Việt Nam, ở DHMT nhiều dự án quy mô vừa và nhỏ được cấp phép, vốn đăng ký bình quân/dự án chỉ bằng 60,80% quy mô bình quân 1 dự án giai đoạn trước.

2.2.2. Thực trạng thu hút vốn FDI vào vùng Duyên hải Miền Trung

- Thu hút vốn FDI theo hình thức đầu tư trên địa bàn vùng DHMT

Trong những năm gần đây, hình thức 100% vốn nước ngoài đang gia tăng nhanh chóng, đặc biệt là từ khi thực hiện chủ trương phân cấp cấp giấy phép năm 1998 và

cho phép NĐT được chủ động lựa chọn hình thức đầu tư (Nghị định 10/1998/NĐ-CP). Trong khi đó, hình thức liên doanh đang giảm dần cả về số dự án cũng như vốn đăng ký, chứng tỏ tính kém hấp dẫn của hình thức này. Hình thức hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng (BCC) cũng không được ưa chuộng, thể hiện ở số dự án hầu như không gia tăng theo thời gian, nếu nói về tỷ trọng vốn thì các dự án BCC ngày càng giảm.

Quy mô bình quân của các dự án 100% thường nhỏ hơn nhiều so với các dự án liên doanh do phần lớn các liên doanh đầu tư vào lĩnh vực bất động sản hay các lĩnh vực pháp luật quy định phải liên doanh, đòi hỏi vốn lớn. Nếu như trong toàn quốc, các dự án đầu tư theo hình thức BCC có quy mô lớn hơn cả, do lĩnh vực chủ yếu của hình thức này là các lĩnh vực đòi hỏi vốn đầu tư rất lớn như: thăm dò và khai thác dầu khí, khai thác mạng viễn thông,.. thì ở DHMT các dự án đầu tư theo hình thức này có quy mô bình quân nhỏ hơn cả.

- Thu hút vốn FDI theo lãnh thổ (tỉnh/thành phố) trên địa bàn DHMT

Khu vực DHMT thu hút vốn FDI rất ít: VĐK toàn vùng DHMT chưa bằng 20%, VTH chưa tới 22% so với riêng thành phố Hồ Chí Minh. Riêng trong nội bộ DHMT, trong những năm qua, vốn FDI chủ yếu chảy vào các thành phố tương đối phát triển như Đà Nẵng, Khánh Hòa,..

Bảng 2.7: Vốn FDI tại vùng DHMT từ năm 1998 đến năm 2005

ĐVT: Triệu USD

TT	Địa phương	Vốn đăng ký	Số dự án ĐK	Vốn thực hiện
1	Thanh Hóa	445.786	24	448.668
2	Nghệ An	300.439	23	121.276
3	Hà Tĩnh	53.324	11	18.899
4	Quảng Bình	34.657	6	27.073
5	Quảng Trị	38.097	8	4.289
6	Thừa Thiên-Huế	148.815	37	143.600
7	Đà Nẵng	999.710	109	280.692
8	Quảng Nam	431.842	41	82.693
9	Quảng Ngãi	1,350.134	15	551.271
10	Bình Định	57.956	22	30.997
11	Phú Yên	193.916	37	71.457
12	Khánh Hòa	385.148	93	334.300
13	Ninh Thuận	31.482	8	6.040
14	Bình Thuận	219.166	48	39.760
Tổng		4,690.473	482	2,161.016

Số liệu: tổng số dự án, tổng số VĐK, tổng số VTH từ năm 1988 đến năm 2005

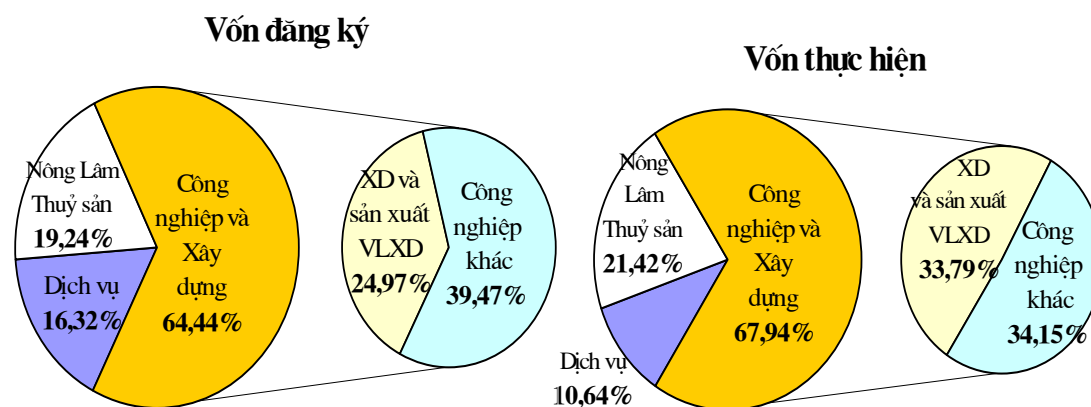
Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Thu hút vốn FDI theo ngành trên địa bàn vùng DHMT

Nhìn vào quá trình thu hút và sử dụng vốn FDI, ta thấy cơ cấu thu hút và sử dụng vốn FDI tương đối phù hợp với định hướng CNH, HĐH đất nước. Từ năm 1991 đến nay, vốn đầu tư vào ngành CN&XD đều chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng VDK và VTH hàng năm. Tuy nhiên, vốn FDI vào lĩnh vực dịch vụ còn rất hạn chế và có tỷ trọng thấp nhất.

Theo số liệu thống kê, chỉ tính các dự án còn hiệu lực đến 31/10/2004, vốn FDI trên địa bàn vùng tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp và xây dựng, chiếm 47,9% số dự án, 64,44% số vốn đăng ký. Nếu xét vốn thực hiện thì tỷ trọng công nghiệp và xây dựng còn cao hơn (67,94%), trong đó, vốn FDI tập trung phần lớn vào ngành xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng (Xem Đồ thị 2.6)

Tỷ trọng vốn FDI vào ngành dịch vụ chỉ chiếm 16,32% VDK và 10,64% VTH. Tỷ lệ này là quá thấp so với toàn quốc - với tỷ lệ tương ứng là 34,66% và 25,05%. Đây là vấn đề cần quan tâm trong hoạt động thu hút và sử dụng vốn FDI thời gian tới.



Nguồn: Bộ kế hoạch và Đầu tư

Đồ thị 2.6: FDI tại Duyên hải Miền Trung theo ngành

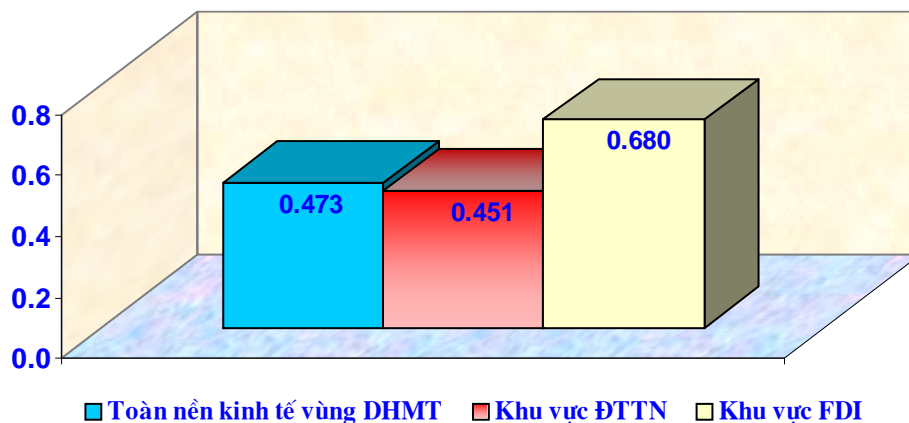
- Thu hút FDI theo đối tác trên địa bàn vùng DHMT

Tính các dự án còn hiệu lực tại thời điểm 31/10/2004 Vốn FDI vào DHMT chủ yếu từ các nước Châu á (chiếm 61,25% vốn đăng ký và 68,76% vốn thực hiện), trong đó Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước công nghiệp mới (NICs) và các nước ASEAN là các đối tác chủ yếu. Trong 5 nhà đầu tư lớn nhất vào DHMT thì có 4 nước từ Châu á, xếp theo vốn thực hiện thì nhà đầu tư lớn nhất là Nhật Bản, tiếp đó là Quần đảo Virgin, Hàn Quốc, Đài Loan và Hồng Kông. Riêng 5 nhà đầu tư lớn nhất này đã chiếm 60,57% tổng vốn đăng ký và 74,13% tổng vốn thực hiện. Năm 1998, khi dòng vốn đăng ký vào DHMT cao nhất, các nhà đầu tư lớn nhất cũng là các nước Châu á: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Malaysia.

2.2.3. Hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn vùng DHMT

- Giá trị xuất khẩu/vốn FDI thực hiện trên địa bàn DHMT

Giai đoạn 1995 – 2005, ở khu vực FDI, tính trung bình tỷ lệ giá trị xuất khẩu/vốn FDI thực hiện là 0,68, trong khi đó tỷ lệ này ở khu vực ĐTTN chỉ là 0,451. Tính trung bình, trong giai đoạn này, 1 đồng vốn đầu tư thực hiện ở khu vực FDI tạo ra nhiều giá trị xuất khẩu hơn ở các khu vực kinh tế khác (Xem đồ thị 2.7).



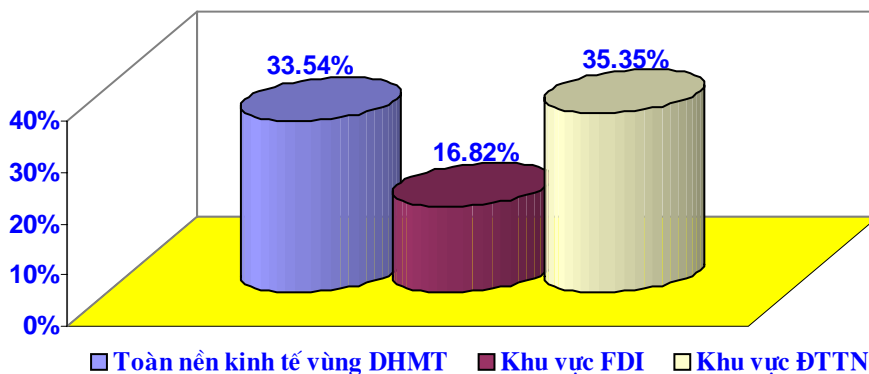
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đồ thị 2.7: Tỷ lệ giá trị xuất khẩu/vốn đầu tư thực hiện ở các khu vực kinh tế trung bình giai đoạn 1995 - 2005 tại vùng DHMT

Năm 2003 - 2005, vốn FDI thực hiện chỉ chiếm lần lượt 3,4%, 2,57%, 0,54% tổng vốn đầu tư toàn xã hội vùng DHMT nhưng xuất khẩu của khu vực này lại chiếm tỷ lệ lớn lần lượt là 18,17%, 16,45%, 15,18% tổng giá trị xuất khẩu của cả vùng. Như vậy, đánh giá trên quan điểm tạo giá trị xuất khẩu, vốn FDI có hiệu quả trong việc thực hiện chiến lược hướng về xuất khẩu.

- Giá trị thu ngân sách/vốn FDI thực hiện hàng năm tại vùng DHMT

Tính trung bình cho cả giai đoạn 1995 – 2005, ở khu vực FDI, cứ 100USD vốn đầu tư thực hiện thu được 16,82USD vào NSNN. Trong khi đó ở khu vực ĐTTN, cứ 100USD vốn đầu tư thực hiện thu được đến 35,35USD vào NSNN (Xem đồ thị 2.12).



Nguồn: Tổng cục Thống kê

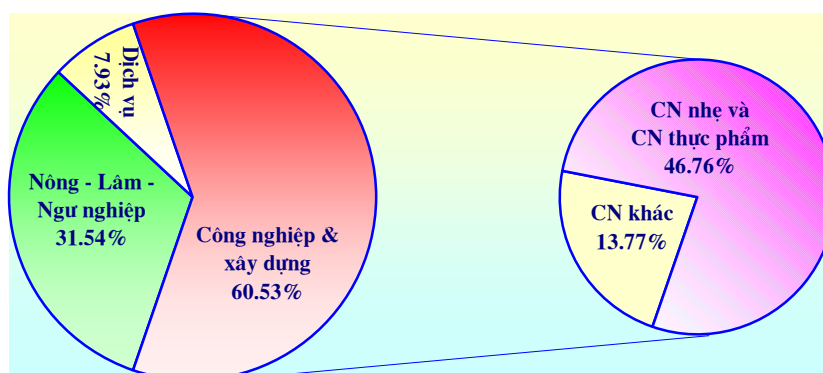
Đồ thị 2.12: Tỷ lệ thu NSNN/vốn đầu tư thực hiện ở các khu vực kinh tế trung bình giai đoạn 1995 - 2005 tại vùng DHMT

Xét trên chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước, khu vực FDI hiện vẫn được hưởng những ưu đãi nhất định về tài chính nên đem lại nguồn thu cho ngân sách ít hơn mức trung bình chung của nền kinh tế. Tuy nhiên, tỷ số này đang có xu hướng ngày một gia tăng và diễn biến ngày càng tốt hơn.

- Số việc làm trực tiếp so với vốn FDI thực hiện tại vùng DHMT

Tính đến năm 2005, ở DHMT, khu vực FDI đã tạo việc làm trực tiếp cho gần 47 nghìn lao động, gấp đôi so với năm 2000. Tốc độ thu hút lao động vào khu vực FDI tăng lên nhanh chóng. Giai đoạn 2001 - 2005 có thêm hơn 23,5 nghìn lao động được thu hút vào khu vực FDI, tốc độ tăng bình quân 15,71%/năm, trong đó, tốc độ tăng lao động trung bình của ngành Công nghiệp & xây dựng là 16%, ngành nông - lâm - ngư nghiệp là 16%, còn ngành dịch vụ chỉ 12,94% .

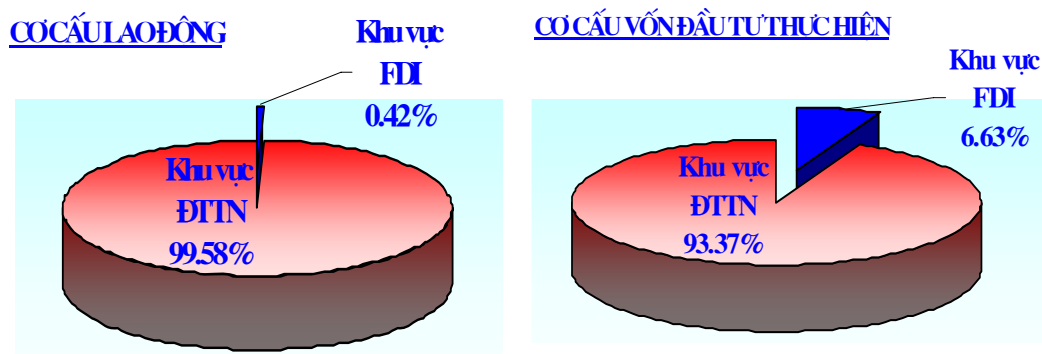
Lao động trong khu vực FDI tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, trong đó, đặc biệt là ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm. Năm 2005, lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng chiếm hơn 60% lao động trực tiếp của khu vực FDI, trong đó ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm chiếm 46,76% (Xem Đồ thị 2.13).



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đồ thị 2.13: Cơ cấu lao động của khu vực FDI năm 2005 theo ngành

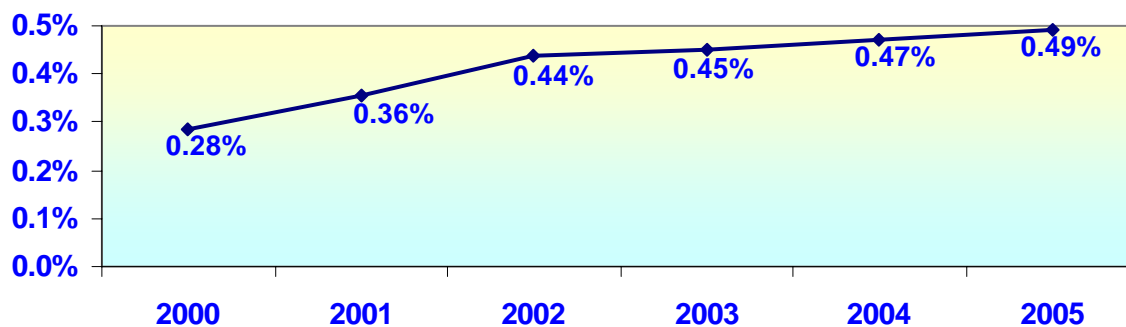
Tuy có tốc độ thu hút lao động nhanh nhưng khu vực FDI là khu vực tạo ra ít chỗ làm việc nhất trong nền kinh tế. Năm 2005, số lao động trực tiếp trong khu vực FDI chỉ chiếm 0,49% tổng số lao động trong nền kinh tế vùng DHMT, tỷ lệ này trung bình giai đoạn 2000 – 2005 chỉ là 0,42. Khi so sánh cơ cấu lao động với cơ cấu vốn đầu tư theo thành phần kinh tế (Xem Đồ thị 2.14), có thể thấy rõ khả năng tạo việc làm của khu vực FDI là quá thấp so với khu vực ĐTTN.



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê

Đồ thị 2.14: Cơ cấu lao động và cơ cấu vốn đầu tư theo thành phần kinh tế trung bình giai đoạn 2000 - 2005

Giai đoạn 2000 – 2005, ở khu vực FDI, cứ trung bình 1000USD mới tạo ra được 0,26 chỗ làm việc trực tiếp, trong khi đó ở khu vực ĐTTN trung bình 1000USD tạo ra được 4,3 chỗ làm việc trực tiếp. Như vậy, khu vực FDI có hiệu quả thấp hơn nhiều so với các khu vực kinh tế khác trên khía cạnh tạo việc làm, xét về mặt số lượng. Tuy nhiên, một xu hướng đáng quan tâm là tỷ trọng số việc làm trực tiếp do khu vực FDI tạo ra ngày càng tăng (Xem Đồ thị 2.15)



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê

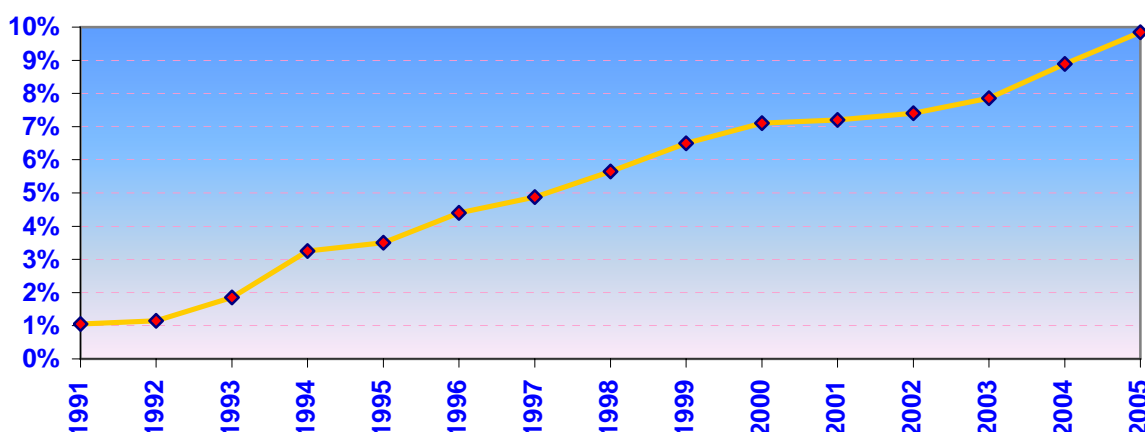
Đồ thị 2.15: Số việc làm trực tiếp do khu vực FDI tạo ra/tổng số việc làm trực tiếp trong nền kinh tế vùng DHMT

Tóm lại, xét trên phương diện tạo việc làm thì khu vực FDI kém hiệu quả hơn các khu vực khác của nền kinh tế, suất đầu tư cho tạo việc làm của khu vực FDI rất cao.

- Vốn FDI thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong vùng DHMT.

Những năm qua, vốn FDI đã góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế ở vùng DHMT, từ năm 1991 đến năm 2005, với lượng vốn đầu tư thực hiện bình quân hàng năm gần 150 triệu USD, vốn FDI đã tích cực tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Hơn nữa, sự gia tăng của vốn FDI còn có tác dụng thúc đẩy các nguồn vốn trong nước gia tăng. Cả hai điều này đều làm gia tăng GDP. Về phía cung, với hàng trăm doanh nghiệp FDI đi vào hoạt động, khu vực FDI đã tạo ra năng lực sản xuất mới cho nền kinh tế. Khu vực FDI có tỉ lệ đóng góp trong GDP tăng dần, nếu năm 1991

đóng góp của khu vực FDI vào GDP chỉ 1,05% thì năm 1996 đã tăng lên 4,4% và năm 2005 là 9,85% (Xem đồ thị 2.17).



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đồ thị 2.17: Đóng góp của khu vực FDI vào GDP vùng DHMT

Đặc biệt, khu vực FDI luôn dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp của khu vực FDI đạt trên 20% trong nhiều năm, hầu như luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng công nghiệp cả vùng. Trong một thời gian dài, tăng trưởng công nghiệp của khu vực FDI là động lực trong tăng trưởng công nghiệp cả vùng DHMT.

- Vốn FDI góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng DHMT theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Cơ cấu FDI trong thời gian qua thay đổi theo hướng tăng dần tỉ trọng công nghiệp và đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp trong nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Với cơ cấu FDI như vậy, luồng vốn FDI tác động tới tăng trưởng của ngành công nghiệp và xây dựng mạnh nhất, làm tăng giá trị và qua đó làm tăng tỷ trọng của ngành này trong nền kinh tế và làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng lĩnh vực công nghiệp và xây dựng.

- Vốn FDI góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng DHMT

2.3. Đánh giá hoạt động thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT trong thời gian qua

2.3.1. Những thành công trong việc thu hút và sử dụng FDI trên địa bàn DHMT trong thời gian qua

DHMT thu hút được một lượng đáng kể FDI vào tất cả các ngành trong vùng: Nông - lâm - ngư nghiệp, Công nghiệp - xây dựng, Dịch vụ và phân bố khắp 14 tỉnh trong vùng. Lượng vốn này bổ sung đáng kể vào vốn đầu tư phát triển vùng DHMT. Vốn FDI có tác động tích cực trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các địa phương DHMT theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa cũng như tác động tích cực trong việc thực hiện chiến lược hướng về xuất khẩu. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp FDI đã nộp ngân sách nhà

nước hàng triệu USD, góp phần tăng nguồn thu ngân sách. Vốn FDI cũng đã mang lại những công nghệ mới, tạo ra năng lực sản xuất mới cho nền kinh tế, góp phần tạo việc làm cho hàng chục vạn lao động, đào tạo và nâng cao tay nghề cho đội ngũ lao động DHMT, tạo cho họ tác phong công nghiệp. Vốn FDI góp phần nâng cao khả năng công nghệ của các doanh nghiệp vùng DHMT, góp phần thúc đẩy nền kinh tế vùng DHMT hội nhập với quốc gia, khu vực và quốc tế, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh nội bộ nền kinh tế và năng lực cạnh tranh của vùng DHMT

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân hạn chế khả năng thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT

- Những hạn chế trong việc thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn vùng DHMT

Hoạt động thu hút vốn FDI vào vùng DHMT có một số hạn chế:

Thứ nhất, khối lượng vốn FDI thu hút còn rất nhỏ. Vốn FDI vào khu vực DHMT vẫn tăng rất ít, chưa tương xứng với tiềm năng của vùng.

Thứ hai, cơ cấu thu hút vốn FDI còn mất cân đối, chưa đáp ứng được mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo CNH, HĐH.

Việc sử dụng vốn FDI trên địa bàn vùng DHMT có một số hạn chế:

Thứ nhất, khả năng tạo ra giá trị xuất khẩu của khu vực FDI là cao nhưng giá trị gia tăng tại DHMT của hàng xuất khẩu lại chưa cao, hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như may mặc, giày dép, đồ gỗ,.. mới chỉ dừng ở mức gia công là chủ yếu.

Thứ hai, suất đầu tư cho một chỗ làm việc cao và khả năng tạo việc làm thấp.

Thứ ba, thu ngân sách Nhà nước ít, tình trạng lách luật, gian lận để trốn thuế vẫn còn nhiều.

Thứ tư, đóng góp của vốn FDI vào tăng trưởng kinh tế của vùng DHMT còn thấp so với lượng vốn FDI đăng ký vào vùng này.

Thứ năm, còn yếu kém trong chuyển giao công nghệ.

Thứ năm, hoạt động sử dụng vốn FDI cũng gây ra một số hạn chế về mặt xã hội, phát sinh mâu thuẫn giữa chủ đầu tư nước ngoài và người lao động Việt Nam, giữa đối tác nước ngoài và đối tác trong nước.

Thứ sáu, một số hạn chế khác từ hoạt động sử dụng vốn FDI tại vùng DHMT như: Đặt các công ty trong nước trong tình trạng cạnh tranh không cân sức; xuất hiện tình trạng chảy máu chất xám vào các công ty có vốn đầu tư nước ngoài; gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến tình hình chính trị, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên;..

- Nguyên nhân gây hạn chế khả năng thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn vùng DHMT

Những nguyên nhân chung:

Thứ nhất, công tác quy hoạch của các địa phương ở DHMT còn chậm, chất lượng chưa cao. Chưa có quy hoạch tổng thể chung có tính khả thi và dài hạn làm cơ sở cho hoạt động thu hút và sử dụng vốn FDI của toàn vùng.

Thứ hai, hệ thống luật pháp, chính sách ĐTNN chưa minh bạch, chồng chéo, mâu thuẫn, hay thay đổi, tổ chức thực thi chậm và ít hiệu quả.

Thứ ba, hệ thống cơ sở hạ tầng của vùng DHMT yếu kém.

Thứ tư, vùng DHMT có lực lượng lao động trẻ, rẻ nhưng thiếu lao động có chuyên môn kỹ thuật, đặc biệt là đội ngũ lao động quản lý cao cấp có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ.

Thứ năm, thủ tục hành chính vẫn còn phức tạp trong các khâu từ thẩm định cấp giấy phép đầu tư, triển khai dự án đầu tư và quản lý dự án ĐTNN.

Thứ sáu, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực FDI chưa đáp ứng được yêu cầu; nhận thức về vai trò của vốn FDI trong nền kinh tế chưa được thống nhất cao do chưa quán triệt đầy đủ chủ trương thu hút và sử dụng vốn FDI của Đảng ở các cấp lãnh đạo địa phương trong vùng DHMT.

Nguyên nhân hạn chế khả năng thu hút vốn FDI vào vùng DHMT

Một là, do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực.

Hai là, cạnh tranh thu hút vốn FDI trong khu vực và trên thế giới diễn ra ngày càng gay gắt.

Ba là, hoạt động xúc tiến đầu tư vào vùng DHMT đối với ĐTNN chưa được chú trọng đúng mức

Nguyên nhân hạn chế hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT

Thứ nhất, chi phí kinh doanh cao là một trong những nguyên nhân chính hạn chế hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT.

Thứ hai, Tiềm lực tài chính, năng lực kinh doanh của một số NĐTNN hạn chế làm cho nhiều dự án FDI bị giải thể.

Thứ ba, công tác quản lý Nhà nước về FDI còn nhiều bất cập.

Thứ tư, khâu giám sát, kiểm tra các hoạt động FDI còn nhiều hạn chế.

CHƯƠNG 3

NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

3.1. Định hướng thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT trong bối cảnh phát triển mới

3.1.1. Bối cảnh phát triển

- Tình hình quốc tế

- Tình hình trong nước

- Bối cảnh trong vùng DHMT

3.1.2. Quan điểm thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn DHMT thời gian tới

Thứ nhất, DHMT Việt Nam thực hiện chính sách thu hút và sử dụng vốn FDI là phù hợp với chiến lược phát triển của quốc gia, phù hợp với xu thế thời đại, phù hợp với quy luật vận động của nền kinh tế cũng như yêu cầu của công cuộc CNH, HĐH nước nhà.

Thứ hai, vốn FDI là một bộ phận cấu thành hữu cơ của nền kinh tế vùng DHMT.

Thứ ba, Đánh giá đúng những mặt tích cực nhưng cũng cần nhận thức đầy đủ những mặt trái để đừng đề cao quá mức những đóng góp của vốn FDI đối với nền kinh tế các địa phương vùng DHMT.

Thứ tư, Hình thức FDI cần phải đa dạng hoá, vì mỗi loại hình hợp tác đầu tư đều có mặt mạnh, mặt hạn chế của nó cho nên phải đa dạng các loại hình đầu tư nhằm đồng thời giải quyết nhiều vấn đề của mục tiêu hợp tác đầu tư.

Thứ năm, việc lựa chọn các dự án FDI phải đạt được yêu cầu giải quyết tốt một số mối quan hệ cơ bản

Thứ sáu, thu hút vốn FDI phải gắn liền với việc nâng cao hiệu quả trong phân bổ, sử dụng một cách toàn diện và hợp lý để phát huy cao nhất vai trò, tác dụng của vốn FDI đối với sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của nền kinh tế vùng DHMT.

3.1.3. Định hướng thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT

- Định hướng thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn vùng DHMT

Thứ nhất, định hướng xuất khẩu

Thứ hai, định hướng về cơ cấu kinh tế.

Thứ ba, định hướng về lãnh thổ (tỉnh, thành phố) trong vùng.

Thứ tư, định hướng về thị trường và đối tác.

Thứ năm, định hướng về hình thức và quy trình đầu tư.

- Mục tiêu thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT:

Mục tiêu về số lượng: Căn cứ theo phương án sử dụng nguồn vốn ĐTNN trong giai đoạn 2006 - 2010 thì vùng DHMT với tỷ trọng chiếm 10% GDP cả nước sẽ thu hút ĐTNN theo phương án sau:

Tốc độ tăng trưởng của vùng DHMT cao hơn các vùng khác của cả nước: Vốn thực hiện giai đoạn 2006 - 2010 khoảng 2,5 tỷ USD. Trung bình một năm khoảng 500 triệu USD. Vốn cấp mới khoảng 4 tỷ USD. Trung bình một năm khoảng 800 triệu USD.

Về chất lượng: Đi đôi với tăng cường về số lượng, cũng phải hết sức chú ý đến chất lượng và hiệu quả của vốn FDI.

3.2. Các giải pháp nhằm tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT

3.2.1. Các giải pháp chung để thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT trong thời gian tới

Thứ nhất, tiếp tục củng cố và hoàn thiện môi trường vĩ mô: Giữ vững ổn định chính trị và trật tự xã hội, đây là vấn đề quan trọng hàng đầu; ổn định tiền tệ và kiềm chế lạm phát, đây là yếu tố sống còn của nền kinh tế.

Thứ hai, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch thu hút và sử dụng vốn FDI ở vùng DHMT: Chúng ta phải gắn kết các dự án riêng rẽ trong một quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế vùng, nhằm tận dụng khai thác triệt để những lợi thế của vùng, tập trung dứt điểm từng dự án để sớm đưa vào sử dụng, tạo đòn bẩy thúc đẩy các dự án khác và kinh tế toàn vùng phát triển.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách thu hút và sử dụng vốn FDI theo hướng xoá bỏ phân biệt đối xử, thông thoáng, minh bạch nhằm hoàn thiện nhanh môi trường đầu tư.

Thứ tư, thống nhất việc ban hành chính sách ưu đãi đầu tư riêng tại các địa phương vùng DHMT.

Thứ năm, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng ở vùng DHMT:

- Đầu tư nâng cấp và hiện đại hoá dần cơ sở hạ tầng kỹ thuật vùng DHMT;
- Phát triển và hoàn thiện các KCN trong vùng;
- Tập trung phát triển cơ sở hạ tầng và hoàn thiện khu kinh tế mở Chu Lai, rút kinh nghiệm để phát triển các khu kinh tế khác như Dung Quất, Nhơn Hội. Đây là bước tiến quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và tăng cường thu hút FDI vào vùng DHMT.

Thứ sáu, Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng tại các địa phương trong vùng DHMT, đảm bảo yêu cầu tuyển dụng của các NĐTNN.

Thứ bảy, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động FDI theo hướng minh bạch, đơn giản và nhất quán:

- Đảm bảo thực hiện tốt cơ chế “một cửa, một đầu mối”;
- Công khai, đơn giản hóa và minh bạch hóa các quy trình, các thủ tục hành chính;
- Các Bộ, ngành, địa phương phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định về thời hạn thẩm định cấp phép đầu tư;
- Hạn chế các thủ tục, giấy tờ không cần thiết;
- Xoá bỏ tình trạng “phép vua thua lệ làng” đang tồn tại lâu nay ở nhiều cấp quản lý;
- Mở rộng diện đăng ký cấp phép cho dự án ĐTNN;
- Đơn giản hoá nội dung thẩm tra dự án đầu tư;
- Cần đơn giản việc triển khai thực hiện dự án;
- Cần quy định rõ và chi tiết danh mục dự án đầu tư không áp dụng đối với ĐTNN, đầu tư có điều kiện và khuyến khích ĐTNN.

Thứ tám, chú trọng xây dựng đội ngũ lãnh đạo các địa phương trong vùng DHMT; Nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực FDI và cán bộ làm việc trong các liên doanh.

3.2.2. Giải pháp tăng cường thu hút vốn FDI vào địa bàn vùng DHMT

Thứ nhất, nói lỏng một số lĩnh vực đầu tư có điều kiện là thế mạnh của vùng DHMT và ban hành danh mục các dự án kêu gọi ĐTNN vào vùng DHMT

Thứ hai, đổi mới và đẩy mạnh công tác vận động, xúc tiến đầu tư để thu hút vốn FDI vào vùng DHMT. Muốn vậy cần phải:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan Xúc tiến đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại vùng DHMT.
- Xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư.
- Xây dựng hình ảnh của vùng DHMT Việt Nam trong con mắt NĐTNN
- Vận động đầu tư.
- Theo dõi và hỗ trợ NĐT sau khi cấp giấy phép đầu tư.

Thứ ba, chú trọng thu hút đầu tư từ doanh nhân Việt kiều, đặc biệt là Việt kiều có quê hương tại các địa phương DHMT.

3.2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT

Thứ nhất, tích cực tìm biện pháp giảm chi phí kinh doanh cho các doanh nghiệp.

Thứ hai, có chính sách toàn diện để khuyến khích các ngành công nghiệp phụ trợ tại vùng DHMT

Thứ ba, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương và địa phương, đồng thời phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động FDI.

Thứ tư, đổi mới công tác giám sát, kiểm tra hoạt động FDI

Thứ năm, xây dựng và hoàn thiện những chính sách ưu đãi đối với hoạt động tái đầu tư vào vùng DHMT. Cụ thể:

- Khuyến khích các NĐTNN làm ăn có hiệu quả tại vùng DHMT thực hiện tái đầu tư.
- Khuyến khích NĐTNN đã đầu tư vào khu vực miền Bắc và miền Nam Việt Nam tái đầu tư vào vùng DHMT.

Thứ sáu, chú trọng khả năng tiếp nhận vốn FDI của vùng DHMT

3.3. Các giải pháp hỗ trợ nhằm tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn vùng DHMT

3.3.1. Cần có quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng kinh tế DHMT

Hiện nay, vấn đề liên kết phát triển của 14 tỉnh trong vùng DHMT còn rất yếu kém, không có sự thống nhất chung. Trên địa bàn vùng DHMT, mỗi tỉnh (thành phố), mỗi ngành đều xây dựng quy hoạch riêng cho mình, sự phối hợp giữa các tỉnh, các ngành trong vùng chưa có cơ chế hiệu quả. Vì chưa có kế hoạch chung cho vùng nên chưa có khuôn khổ bắt buộc cho các kế hoạch của các địa phương. Vì thế cần phải hình thành cơ chế phối hợp giữa các tỉnh trong vùng DHMT

3.3.2. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh ở các địa phương trong vùng DHMT.

Để cải thiện năng lực cạnh tranh, các địa phương trong vùng DHMT có chỉ số năng lực cạnh tranh chưa tốt phải làm những công việc cụ thể sau:

- Ra nghị quyết để yêu cầu tất cả các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh kiểm điểm làm rõ những quy định, thủ tục hành chính không phù hợp làm xấu môi trường đầu tư và sản xuất.

- Các địa phương phải căn cứ vào từng chỉ số thành phần của CPI (Phụ lục) để xem xét chỉ số nào địa phương mình đạt số điểm thấp nhất, rà soát các chỉ tiêu đánh giá trong từng chỉ số này để xem xét ở chỉ tiêu nào tỉnh mình yếu nhất. Cuối cùng là đưa ra và triển khai các biện pháp thực hiện nhằm khắc phục những mặt còn yếu đó.

- Tổ chức gặp gỡ doanh nghiệp công bố bản báo cáo của UBND tỉnh về thực trạng và các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương mình và đề ra những cam kết thực hiện.

- Việc cải thiện môi trường đầu tư là công việc chủ động, thường xuyên ở các địa phương mà đơn giản nhất là hãy tiếp thu và xử lý nhanh những kiến nghị từ các doanh nghiệp để có những điều chỉnh kịp thời. Có cơ chế kiểm tra để đảm bảo mọi chính sách ban hành đều được các cơ quan chức năng và cán bộ thừa hành thực hiện đúng. Điều đó sẽ có hiệu quả, sức lan toả, sự thuyết phục lớn đối với các NĐT hơn là những kế hoạch "chữa cháy" sau khi những hạn chế, yếu kém được công khai - dù những kế hoạch đã được đánh giá thành công.

3.3.3. Cải tiến công tác tổ chức thực thi luật pháp, chính sách; Đổi mới hoạt động của hệ thống trọng tài, toà án kinh tế, bảo đảm tính thực thi của pháp luật.

- ♦ Cải tiến công tác tổ chức thực thi luật pháp, chính sách
- ♦ Đổi mới tổ chức, hoạt động của hệ thống trọng tài, toà án kinh tế, bảo đảm tính thực thi của pháp luật.

3.3.4. Củng cố và hoàn thiện công tác thống kê FDI

- Ban hành và phổ biến rộng rãi các định nghĩa và các chuẩn thống kê, hệ thống và phương pháp phân tổ thống kê cũng như phạm vi thống kê.

- Chuẩn hóa hệ thống biểu mẫu thu thập số liệu và biểu mẫu báo cáo theo yêu cầu hội nhập khu vực mà trước hết là yêu cầu của ASEAN.

- Hoàn thiện cơ chế thu thập số liệu, tăng cường các biện pháp xử phạt các đơn vị vi phạm chế độ báo cáo thống kê.

- Cải tiến phương thức cung cấp thông tin thống kê về hoạt động FDI, để đảm bảo khả năng tiếp cận của các NĐT tới các thông tin về khu vực FDI một cách dễ dàng, thường xuyên và cập nhật.

3.3.5. Thiết lập hệ thống thông tin quản lý Nhà nước đối với ĐTNN

Cần xây dựng trung tâm thu thập và xử lý thông tin về ĐTNN đặt tại cục ĐTNN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cơ quan này được nối mạng với các cơ quan Trung ương và Chính quyền địa phương, với tất cả các doanh nghiệp ĐTNN, thu thập và xử lý thông tin về ĐTNN trên thế giới, nhất là các nước trong khu vực. Trung tâm này cần có chế độ cung cấp thông tin hàng ngày cho các cơ quan tùy thuộc vào chức năng và nhu cầu của từng đơn vị, cũng như cho những người lãnh đạo để phục vụ việc ra các quyết định.

Trung tâm này mở một trang thông tin điện tử để chuyển tải các tài liệu xúc tiến, đơn xin đầu tư, đăng ký đầu tư, trả lời các yêu cầu của nhà đầu tư.

KẾT LUẬN

Luận án đã thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Phân tích những vấn đề cơ bản về thu hút và sử dụng vốn FDI tại một vùng kinh tế của quốc gia. Theo đó, Luận án đã khái quát được vai trò của vốn FDI đối với vùng kinh tế; và một cách tương đối, luận án đã chia ra 3 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI tại vùng kinh tế: nhóm nhân tố chung, nhóm nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút và nhóm nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng.

2. Đúc kết những kinh nghiệm thu hút và sử dụng vốn FDI của các nước trong khu vực và của các vùng khác trong nước.

3. Phân tích thực trạng thu hút và sử dụng vốn FDI tại vùng DHMT trong những năm qua. Những thành tựu chủ yếu trong thu hút và sử dụng vốn FDI tại vùng DHMT, những đóng góp của vốn FDI cho vùng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng.

Đồng thời Luận án cũng chỉ ra những hạn chế trong hoạt động thu hút và sử dụng vốn FDI như: lượng vốn FDI thu hút vào vùng DHMT quá ít, không đều qua các thời kỳ và thường ở vị trí bất lợi so với các vùng khác trong nước; bên cạnh đó là hiệu quả sử dụng vốn FDI không cao, chưa có tác động nhiều đến nền kinh tế vùng DHMT.

Nguyên nhân của những hạn chế trên đây bắt nguồn từ nhiều yếu tố bên ngoài và bên trong làm cho môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh ở vùng DHMT Việt Nam chưa có sức hấp dẫn các NĐTNN. Do vậy, để tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI trong những năm tới cần phải đưa ra một hệ thống các giải pháp hữu hiệu để nâng cao tính hấp dẫn của môi trường đầu tư tại vùng DHMT.

4. Trên cơ sở bối cảnh phát triển của quốc tế, trong nước và trong vùng DHMT tác động tới phát triển của khu vực có vốn ĐTNN; Luận án đã chỉ ra những định hướng và quan điểm cơ bản trong hoạt động thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT, đồng thời đánh giá nhu cầu và khả năng thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI trên địa bàn DHMT thời gian tới. Đây là cơ sở có tính chất tư tưởng chủ đạo để đề xuất các giải pháp tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT trong thời gian tới.

5. Từ kết quả nghiên cứu, Luận án đã đưa ra 3 nhóm giải pháp nhằm tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT trong thời gian tới là: Nhóm giải pháp chung cho cả thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT; Nhóm giải pháp tăng cường thu hút vốn FDI vào địa bàn vùng DHMT; Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT

6. Để các nhóm giải pháp tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn FDI trên địa bàn DHMT thời gian tới được thực hiện có hiệu quả cao, Luận án đã đề xuất các giải pháp hỗ trợ.

Tóm lại, thu hút và sử dụng vốn FDI vào DHMT đang đặt cho chúng ta nhiều vấn đề cần được giải quyết. Từ thực tế phát triển những năm qua, có thể khẳng định rằng, DHMT Việt Nam cần và có thể thu hút một lượng vốn FDI lớn hơn nhiều so với thời gian vừa qua. Mục tiêu đó tùy thuộc vào chính sách của Nhà nước đối với vùng DHMT và nỗ lực của từng địa phương trên vùng trong việc cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh, trong việc phát huy tiềm năng và lợi thế so sánh của vùng trong cuộc cạnh tranh thu hút vốn FDI và sử dụng nó một cách có hiệu quả.